

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án
“Công ty TNHH Foxlink Việt Nam” tại lô Va.04b, đường 24&17,
Khu công nghiệp thuộc Khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh của Công ty TNHH Foxlink Việt Nam**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

*Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của
Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến
lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của
Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết,
hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều
của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về
sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi
hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc
môi trường;*

*Căn cứ Thông báo số 810/TB-VP ngày 13 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban
nhân dân Thành phố về kết luận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố
Nguyễn Thành Phong tại cuộc họp nghe báo cáo đề xuất ủy quyền giải quyết
các hồ sơ, thủ tục pháp lý về bảo vệ môi trường trong các Khu chế xuất,
Khu công nghiệp và Khu công nghệ cao;*

*Theo ý kiến của hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của
dự án “Công ty TNHH Foxlink Việt Nam” tại lô Va.04b, đường 24&17,
Khu công nghiệp thuộc Khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh của Công ty TNHH Foxlink Việt Nam tại
Thông báo kết quả thẩm định số 7987/STNMT-CCBVMT ngày 25 tháng 11 năm
2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường;*

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Công ty TNHH Foxlink Việt Nam” tại lô Va.04b, đường 24&17, Khu công nghiệp thuộc Khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Công văn số 02/CV.Foxlink ngày 14 tháng 02 năm 2022 của Công ty TNHH Foxlink Việt Nam;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1749/TTr-STNMT-CCBVMT ngày 11 tháng 3 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Công ty TNHH Foxlink Việt Nam” (sau đây gọi tắt là Dự án) của Công ty TNHH Foxlink Việt Nam (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại lô Va.04b, đường 24&17, Khu công nghiệp thuộc Khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.
2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- TTUB: CT;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- BQL các KCX&CN;
- UBND Quận 7;
- Công ty TNHH Foxlink-VN;
- VPUB: CVP, PCVP/ĐT;
- Phòng ĐT, KT;
- Lưu: VT, (ĐT-LHT). 08.



CHỦ TỊCH

Phan Văn Mãi



PHỤ LỤC

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG DỰ ÁN “CÔNG TY TNHH FOXLINK VIỆT NAM” TẠI LÔ Va.04b, ĐƯỜNG 24&17, KHU CÔNG NGHIỆP THUỘC KHU CHẾ XUẤT TÂN THUẬN, QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH CỦA CÔNG TY TNHH FOXLINK VIỆT NAM

*(Kèm theo Quyết định số 1537/QĐ-UBND ngày 09 tháng 5 năm 2022
của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)*

1. Thông tin về Dự án:

1.1. Chủ đầu tư: Công ty TNHH Foxlink Việt Nam.

– Địa chỉ liên hệ: Lô Va.04b, đường 24&17, Khu công nghiệp thuộc Khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

– Người đại diện theo pháp luật: Ông Lin, Cheng-Chieh - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

1.2. Phạm vi: Dự án được thực hiện tại nhà xưởng xây sẵn thuê lại của Công ty TNHH Tân Thuận với tổng diện tích 7.538,9 m² tại lô Va.04b, đường 24 & 17, Khu công nghiệp trong Khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.3. Quy mô, công nghệ, công suất của Dự án

a) *Quy trình sản xuất:* Bảng mạch in (PCB) → máy cắt PCB → máy quét phết kem hàn → máy kiểm tra kem hàn trên PCB (SPI) → máy gắn linh kiện → máy kiểm tra linh kiện trên PCB lần 1 (AOI) → máy sấy keo (150⁰C) → máy kiểm tra linh kiện trên PCB lần 2 (AOI) → lắp ráp, gắn kết hoàn tất → hàn sóng (siêu âm) → kiểm tra chất lượng → máy sấy hồng ngoại → máy phun phủ chất bảo vệ PCB → đóng gói, lưu kho chờ xuất hàng.

b) *Công suất:* lắp ráp, gia công các sản phẩm điện tử dùng cho máy tính bảng, điện thoại di động với quy mô 10.800.000 sản phẩm/năm (tương đương 1.080 tấn sản phẩm/năm).

c) *Danh mục máy móc, thiết bị của Dự án:* 03 máy nạp và cắt bo mạch tự động; 03 máy quét kem hàn tự động (Printer solder paste printer); 03 máy kiểm tra quang học tự động kem hàn trên PCB (SPI); 03 máy dán linh kiện điện tử tự động; 06 máy kiểm tra quang học tự động AOI; 03 máy sấy kem hàn; 12 máy sấy hồng ngoại; 01 máy cắt dây điện; 02 máy cắt chân linh kiện tự động; 01 máy tuốt vỏ dây điện; 01 máy định hình điện trở; 01 máy kiểm tra nhiệt độ lò; 01 máy gắn IC; 01 máy bọc ống kiểu chữ U; 07 máy hàn sóng (máy hàn siêu âm); 02 máy làm sạch môi hàn; 04 máy kiểm tra trong mạch; 14 hệ thống kiểm tra chức năng PCBA; 11 máy kiểm tra thử nghiệm FCT; 06 máy kiểm tra âm thanh; 01 máy pha dung môi; 01 hệ thống máy phun phủ chất bảo vệ PCB; 01 máy rửa khuôn; 02 máy làm lạnh nước (Cooling chiller); 02 tháp giải nhiệt (Cooling tower); 04 hệ thống AHU.

d) *Các hạng mục công trình của Dự án:*

– Hạng mục công trình chính: gồm tầng 01, tầng 02, tầng 03 của nhà xưởng xây sẵn được thuê từ Công ty TNHH Tân Thuận với tổng diện tích 7.538,9 m²; bố trí nhà kho lưu trữ nguyên vật liệu và thành phẩm tại tầng 01; xưởng sản xuất, văn phòng, nhà kho chứa hóa chất tại tầng 02; xưởng sản xuất, nhà kho lưu trữ các đồ có giá trị, văn phòng, phòng họp, nhà ăn tại tầng 03.

– Hạng mục công trình phụ trợ: phòng điện; phòng kỹ thuật; khu vực thang máy, hành lang; hệ thống cấp điện; hệ thống cấp – thoát nước; hệ thống phòng cháy chữa cháy; hệ thống thông tin liên lạc; hệ thống chống sét và các hạng mục công trình phụ trợ khác.

– Hạng mục công trình bảo vệ môi trường: phòng máy AHU (thanh lọc không khí), quạt hút khí thải, hệ thống xử lý khí thải, khu vực lưu giữ chất thải, hệ thống thu gom và xử lý nước thải (bể tự hoại).

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án:

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án

– *Giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị:*

- + Tác động do nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân viên.
- + Tác động do bụi, khí thải phát sinh từ quá trình lắp đặt máy móc, thiết bị, vận chuyển nguyên vật liệu, hoạt động cơ khí.
- + Tác động do chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại.
- + Tác động do tiếng ồn, độ rung; rủi ro, sự cố cháy nổ, tai nạn lao động, môi trường,....

– *Giai đoạn vận hành:*

- + Tác động do nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân viên, nước thải sản xuất.
- + Tác động do bụi, khí thải, hơi dung môi phát sinh từ hoạt động sản xuất và phương tiện giao thông; mùi phát sinh từ khu vực lưu chứa chất thải.
- + Tác động do chất thải rắn gồm chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại.
- + Tác động do tiếng ồn, độ rung phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất.
- + Tác động do sự cố, rủi ro trong quá trình hoạt động sản xuất như: sự cố cháy nổ, sự cố hóa chất, sự cố hệ thống xử lý khí thải,....

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải

– *Giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị:* nước thải sinh hoạt phát sinh chủ yếu từ quá trình hoạt động của công nhân với lưu lượng khoảng 0,75 m³/ngày. Thành phần gồm tổng chất rắn lơ lửng (TSS), COD, BOD₅, Amoni, tổng Photpho, tổng Nitơ, Coliform và các tạp chất khác.

– *Giai đoạn vận hành:*

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân viên, lưu lượng khoảng 13,5 m³/ngày. Thành phần gồm tổng chất rắn lơ lửng (TSS), COD, BOD₅, Amoni, tổng Photpho, tổng Nitơ, Coliform và các tạp chất khác.

+ Nước thải sản xuất: nước thải phát sinh từ công đoạn tráng rửa khuôn bị dính kem hàn (trong công đoạn quét kem hàn lên bản mạch in của hệ thống SMT) với lưu lượng khoảng 0,1 m³/ngày, thành phần chủ yếu COD; nước thải phát sinh từ quá trình thay nước giải nhiệt (định kỳ 06 tháng – 01 năm, với lưu lượng khoảng 19,2 m³), thành phần chủ yếu là TSS.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

– *Giai đoạn lắp đặt máy móc thiết bị:*

+ Bụi, khí thải phát sinh từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ cho thi công, hoạt động tập kết, bốc dỡ nguyên vật liệu, hoạt động cơ khí... Thành phần bao gồm bụi, SO₂, NO_x, CO,....

+ Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của các phương tiện, máy móc và thiết bị thi công lắp đặt.

– *Giai đoạn vận hành:*

+ Bụi, khí thải, hơi dung môi phát sinh từ quá trình hoạt động sản xuất, phương tiện giao thông, vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm. Thành phần bao gồm bụi, hơi dung môi (VOC), SO₂, NO_x, CO,...

+ Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ quá trình hoạt động của máy móc, thiết bị sản xuất.

+ Mùi phát sinh từ hệ thống thu gom nước thải và khu vực lưu chứa chất thải.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn

– *Giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị:* khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 05 kg/ngày; khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh khoảng 960 kg và khối lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 144 kg trong suốt giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị.

– *Giai đoạn vận hành:* khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 90 kg/ngày; khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh khoảng 91.900 kg/năm; khối lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 47.087 kg/năm.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:

Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án được Chủ dự án đề xuất trong nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường, cụ thể như sau

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải

– *Giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị:* nước thải sinh hoạt được xử lý qua bể tự hoại ba ngăn của nhà xưởng tiêu chuẩn, sau đó đầu nối vào hệ

thống thu gom nước thải của Khu chế xuất Tân Thuận.

– *Giai đoạn vận hành:*

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình hoạt động của công nhân được xử lý qua bể tự hoại ba ngăn của nhà xưởng, sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Khu chế xuất Tân Thuận.

+ Nước thải sản xuất: nước thải rửa khuôn dính kem hàn được công ty thu gom, lưu giữ riêng biệt như chất thải nguy hại và hợp đồng cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định; nước thải phát sinh từ quá trình thay nước giải nhiệt được thu gom và đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Khu chế xuất Tân Thuận.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải

– *Giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị:* thực hiện đầy đủ các biện pháp nhằm giảm thiểu tác động do bụi, khí thải phát sinh từ quá trình lắp đặt máy móc, thiết bị, đảm bảo đạt các Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về môi trường theo QCVN 05:2013/BTNM, QCVN 06:2009/BTNMT.

– *Giai đoạn vận hành:*

+ Thực hiện các giải pháp thông thoáng khu vực nhà xưởng, bố trí quạt thông gió; trang bị các dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân vận hành sản xuất.

+ Đầu tư hệ thống thu gom và xử lý khí thải phát sinh từ quá trình hoạt động sản xuất (tại các công đoạn: máy quét phủ kem hàn lên bề mặt bo mạch; máy pha dung môi và hệ thống máy phun phủ chất bảo vệ PCB; máy làm sạch mối hàn sử dụng nhiều các loại keo gốc dung môi) với quy trình xử lý: hơi dung môi → chụp hút/ống thu gom khí thải → 02 hệ thống hấp phụ (than hoạt tính) → quạt hút → ống thoát khí thải chung (cao 09 m so với mặt đất); chất lượng khí thải sau xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ QCVN 20: 2009/BTNMT.

+ Lắp đặt hệ thống hút khí cưỡng bức để thu gom và phát tán khí thải, nhiệt thừa (tại các công đoạn còn lại) với quy trình: khí thải, nhiệt thừa → ống hút → quạt hút (03 cái ở tầng 02, 02 cái ở tầng 03) → 02 ống thoát khí thải (01 cái ở tầng 02 cao 14 m và 01 cái ở tầng 03 cao 20m so với mặt đất).

+ Thường xuyên vệ sinh hệ thống thu gom nước thải, khu vực lưu chứa chất thải, nhà vệ sinh để giảm thiểu mùi hôi.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn

– *Giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị:* thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn; bố trí khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại riêng biệt; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

– *Giai đoạn vận hành:*

+ Chất thải rắn sinh hoạt: bố trí khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

với diện tích 2 m²; hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

+ Chất thải rắn công nghiệp thông thường: bố trí khu vực lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường với diện tích 18 m²; hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

+ Chất thải nguy hại: bố trí khu vực lưu giữ chất thải nguy hại với diện tích 15 m²; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

3.4. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Chủ dự án thực hiện đầy đủ các giải pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung trong giai đoạn lắp đặt máy móc thiết bị và hoạt động của Dự án như đã đề xuất trong nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường, đảm bảo đạt các Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về môi trường theo QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT.

3.5. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

– Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ, tai nạn lao động: thực hiện nghiêm túc các quy định về phòng cháy, chữa cháy; lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy theo đúng quy định; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng phương tiện phòng cháy, chữa cháy, hệ thống điện; tập huấn, hướng dẫn các phương án phòng chống cháy nổ và an toàn lao động cho công nhân; vận hành đúng kỹ thuật các thiết bị, máy móc sử dụng; trang bị đồ bảo hộ lao động; thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về an toàn lao động,....

– Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố các công trình bảo vệ môi trường: thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị, đường ống để kịp thời phát hiện và khắc phục các sự cố; trang bị dự phòng máy móc thiết bị để kịp thời thay thế, khắc phục sự cố; thường xuyên vệ sinh đường ống thu gom khí thải; vận hành hệ thống xử lý khí thải đúng kỹ thuật.

– Phương án phòng ngừa sự cố tràn, rò rỉ hóa chất, nguyên liệu: thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố rò rỉ, tràn đổ hóa chất, nguyên liệu theo đúng quy định; bố trí khu vực lưu giữ đúng quy định; bố trí trang thiết bị, phương tiện ứng cứu phù hợp; phổ biến các phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố tới toàn thể nhân viên.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án:

– Công trình thu gom, xử lý nước thải: xử lý qua bể tự hoại của nhà xưởng cho thuê, sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Khu chế xuất Tân Thuận.

– Công trình thu gom, xử lý khí thải: hệ thống xử lý khí thải bằng phương pháp hấp phụ.

– Công trình thu gom, lưu giữ chất thải rắn: khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt với diện tích 2 m², chất thải rắn công nghiệp thông thường với diện

tích 18 m², chất thải nguy hại với diện tích 15 m².

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án:

Chương trình quản lý và giám sát môi trường trong giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị và vận hành của Dự án được Chủ dự án đề xuất trong nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường như sau:

5.1. Chương trình quản lý môi trường của Chủ dự án:

– Chủ dự án xây dựng chương trình quản lý môi trường của Dự án trong giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị và vận hành gồm các nội dung như sau: các tác động môi trường; công trình, biện pháp bảo vệ môi trường; kinh phí thực hiện; thời gian thực hiện và hoàn thành; trách nhiệm thực hiện; trách nhiệm giám sát.

– Chủ dự án cam kết thực hiện đầy đủ các chương trình quản lý môi trường đã đề xuất tại nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án.

5.2. Chương trình giám sát môi trường của Chủ dự án:

a) Giai đoạn vận hành thử nghiệm:

Giám sát chất lượng khí thải trong quá trình vận hành thử nghiệm của Dự án được thực hiện theo quy định hiện hành.

b) Giai đoạn vận hành thương mại:

– Giám sát chất lượng khí thải:

+ Vị trí: 01 vị trí (ống khói phát thải của hệ thống xử lý khí thải).

+ Thông số: lưu lượng, n-butyl acetat, n-Hexan, n-Heptan.

+ Tần suất: 03 tháng/lần.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 20: 2009/BTNMT.

– Giám sát môi trường lao động:

+ Vị trí: 02 điểm tại kho lưu giữ nguyên vật liệu, thành phẩm tại tầng 01; 10 điểm tại khu vực xưởng sản xuất, kho hóa chất, khu xử lý khí thải, khu vực văn phòng tại tầng 02; 06 điểm tại khu vực xưởng sản xuất, khu vực lưu giữ chất thải, khu vực văn phòng tại tầng 03.

+ Thông số: nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, tiếng ồn, ánh sáng, bụi toàn phần, bụi hô hấp (kho lưu giữ nguyên vật liệu, thành phẩm tại tầng 01); nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, tiếng ồn, ánh sáng, bụi toàn phần, bụi hô hấp, ethanol, methyl ethyl xeton, butyl acetat, dầu thông, n-Hexan, Heptan, CO (tại khu vực xưởng sản xuất, khu vực lưu giữ chất thải, khu vực văn phòng tại tầng 02 và tầng 03).

+ Tần suất: 01 lần/năm.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 24:2016/BYT, QCVN 26:2016/BYT, QCVN 02:2019/BYT, QCVN 03: 2019/BYT, Tiêu chuẩn vệ sinh lao động ban hành theo Quyết định 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10 tháng 10 năm 2002 của Bộ Y Tế.

- Giám sát chất thải rắn:
- + Vị trí: khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại.
- + Thông số: thành phần, khối lượng, chứng từ chuyển giao.
- + Tần suất: 01 ngày/lần.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:

6.1. Thực hiện các biện pháp giảm thiểu, xử lý ô nhiễm bụi, tiếng ồn, rung, khí thải, nước thải và chất thải rắn trong suốt quá trình lắp đặt máy móc, thiết bị của Dự án, đảm bảo đạt các Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về môi trường theo QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 06:2009/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT và Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào của Nhà máy xử lý nước thải tập trung Khu chế xuất Tân Thuận.

6.2. Xây dựng tách riêng hệ thống thoát nước mưa và nước thải; có biện pháp thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ quá trình hoạt động của Dự án, đảm bảo đạt Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của Nhà máy xử lý nước thải tập trung Khu chế xuất Tân Thuận; đấu nối đúng quy định vào hệ thống thu gom nước thải của Khu chế xuất Tân Thuận; xây dựng hố ga đấu nối nước thải sau xử lý thuận tiện cho công tác kiểm tra, giám sát.

6.3. Thực hiện các biện pháp giảm thiểu, xử lý bụi, khí thải, mùi, tiếng ồn, độ rung phát sinh từ giai đoạn vận hành của Dự án, đảm bảo đạt các Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về môi trường theo QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 06:2009/BTNMT, QCVN 19:2009/BTNMT, QCVN 20:2009/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT và các Quy chuẩn môi trường lao động liên quan.

6.4. Thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn, bố trí khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại; hợp đồng với các đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

6.5. Thực hiện các biện pháp an toàn lao động, các phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ, sự cố rò rỉ nhiên liệu và các sự cố môi trường khác.

6.6. Thực hiện chương trình quan trắc môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường như đã đề xuất trong nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết.

6.7. Tuân thủ các quy định tại Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao.

6.8. Tuân thủ các quy định hiện hành về bảo vệ nguồn nước, khai thác, xả nước thải vào nguồn nước, tái sử dụng nước và các quy phạm kỹ thuật khác

có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những rủi ro môi trường.

6.9. Bảo đảm và tự chịu trách nhiệm về thông tin quy mô Dự án, các phương án bảo vệ môi trường, kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc môi trường, đảm bảo các cam kết như đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

6.10. Thực hiện các thủ tục cấp Giấy phép môi trường; lập kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải trước khi đưa Dự án đi vào vận hành chính thức; thực hiện đầy đủ quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường 2020./.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ